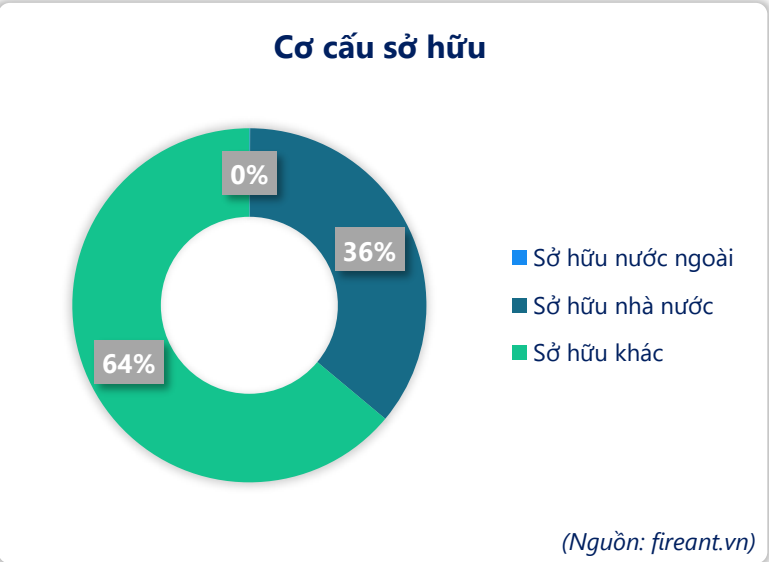
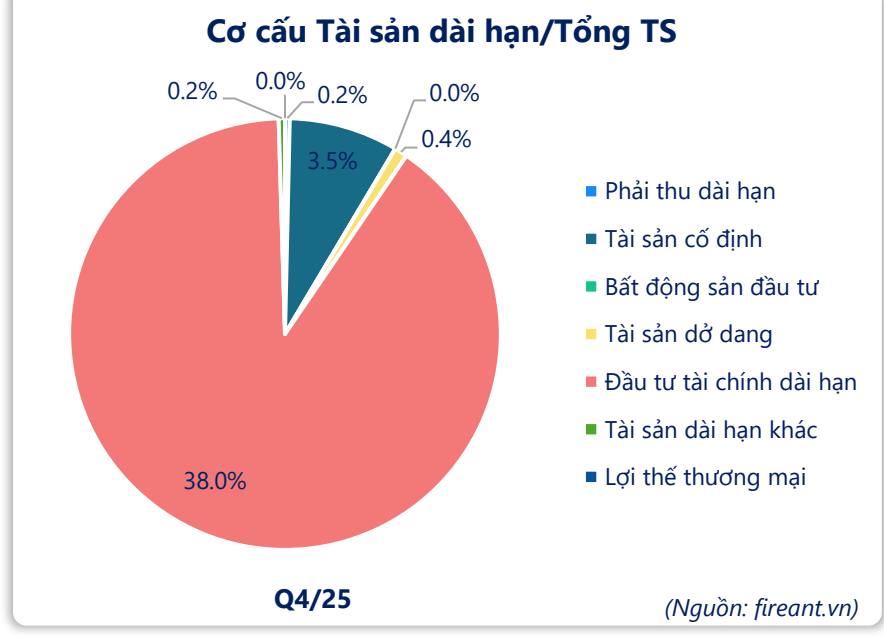
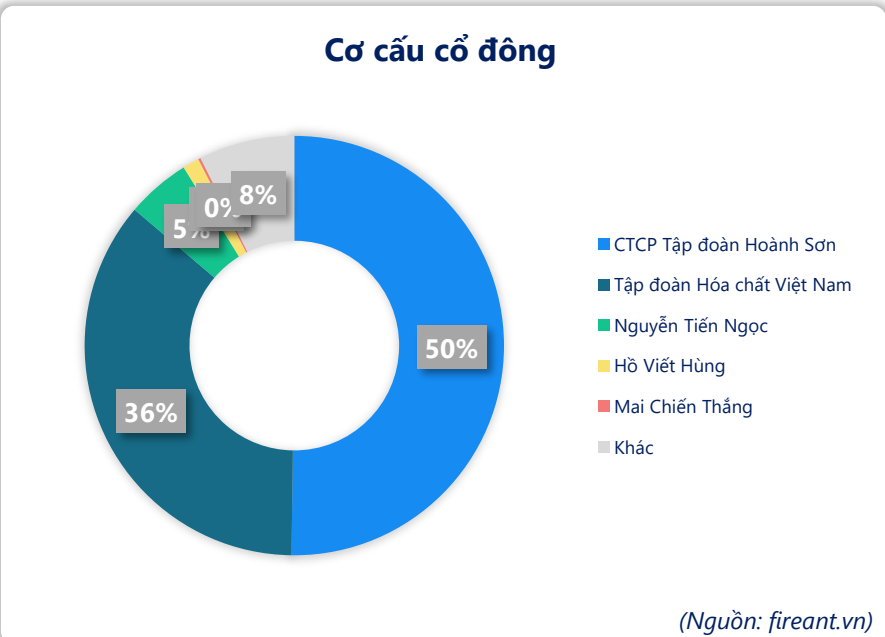
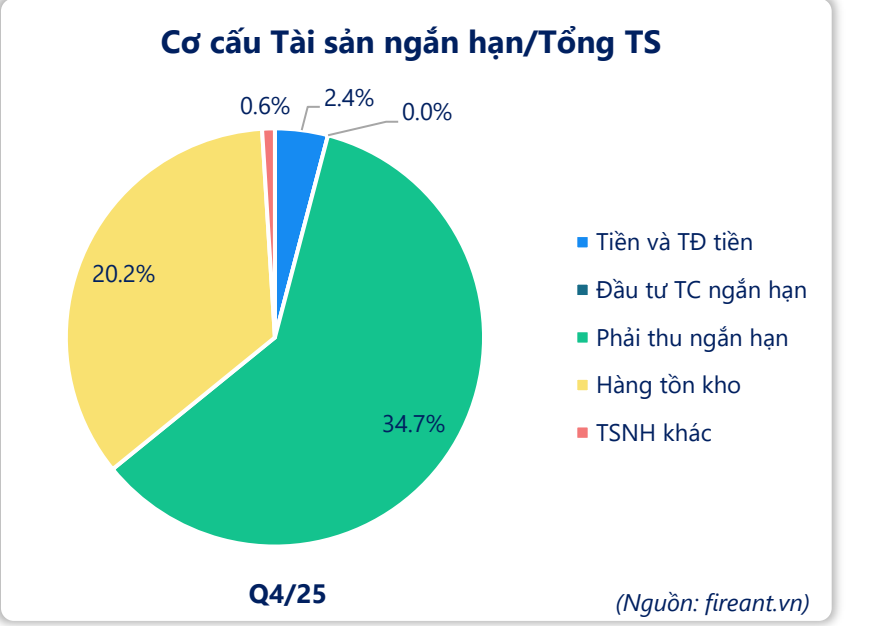
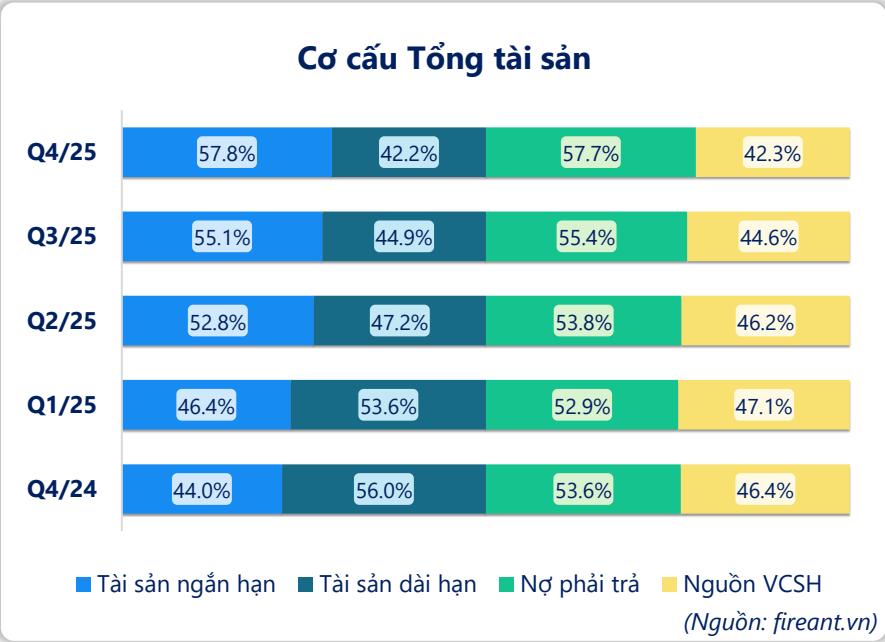


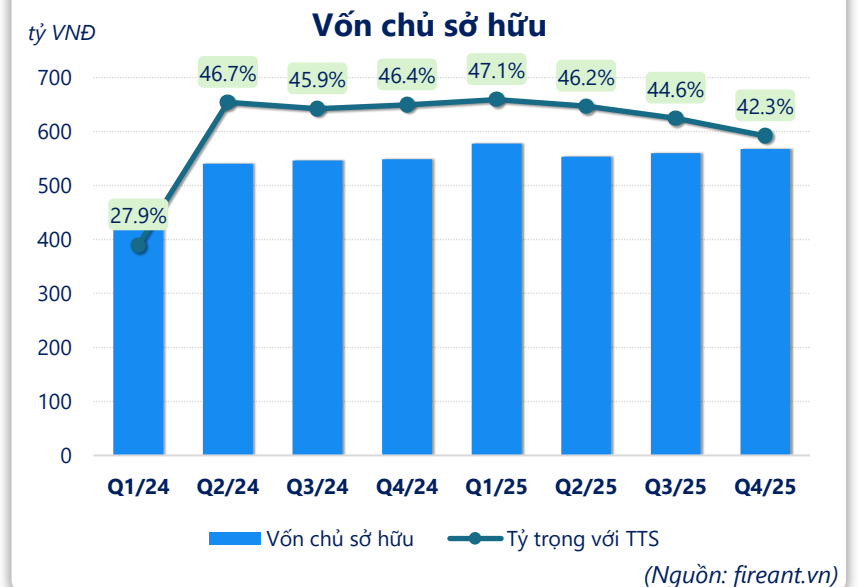
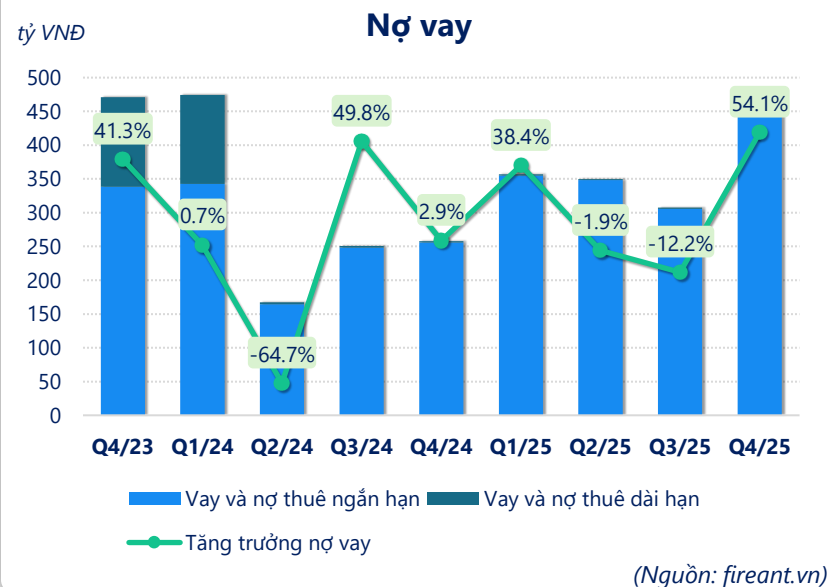
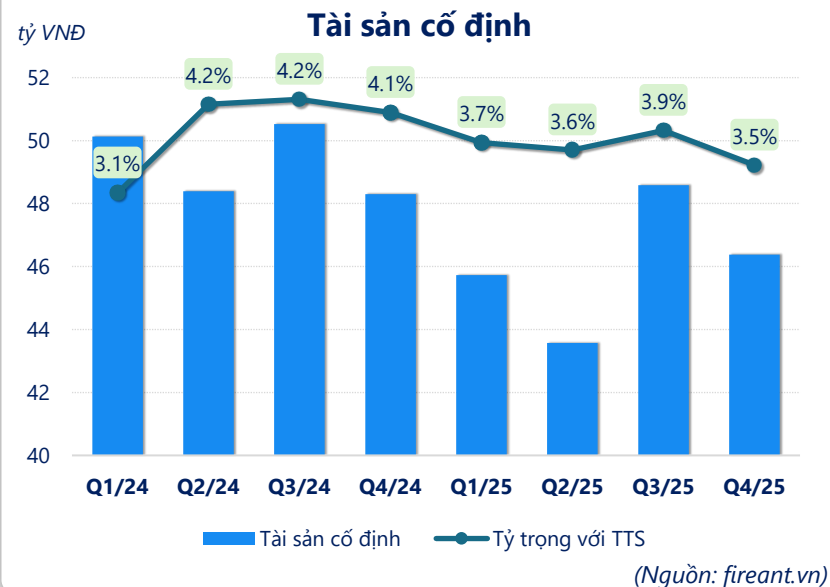
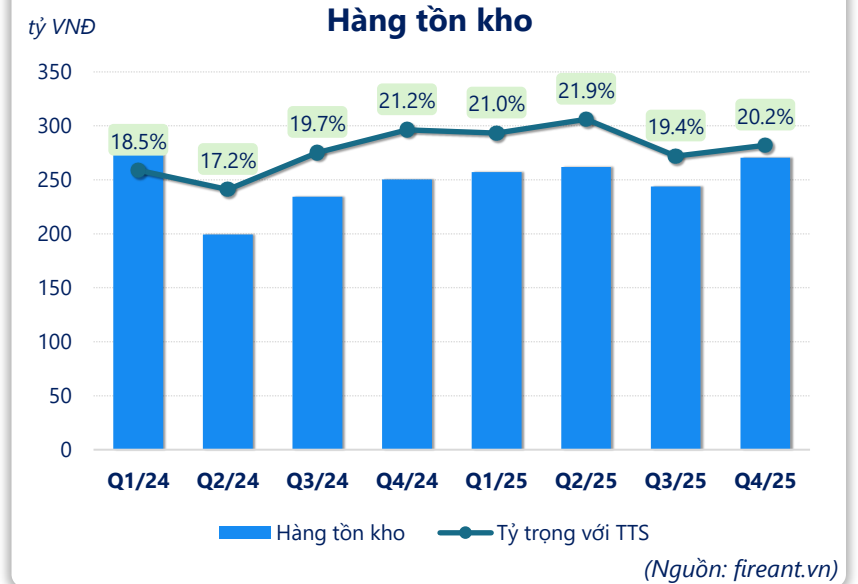
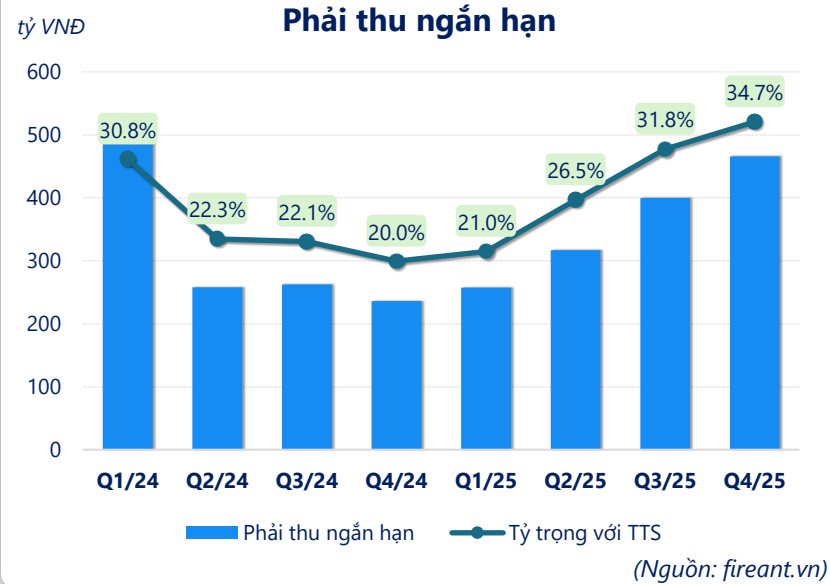
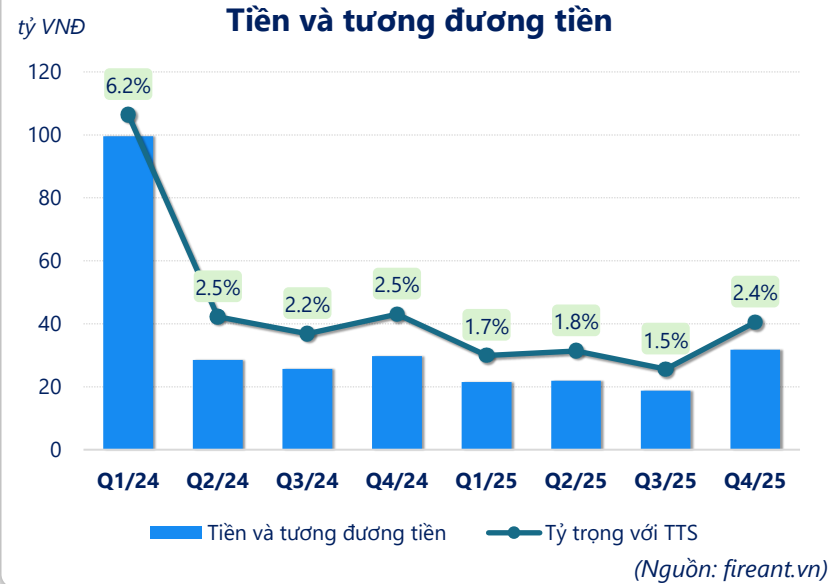
Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		51,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		53,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		22,799
SL cổ phiếu LH		28,063,368
KLGD BQ 20 phiên (CP)		2,100
% sở hữu nước ngoài		0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,451
P/E		58.9
EPS		877

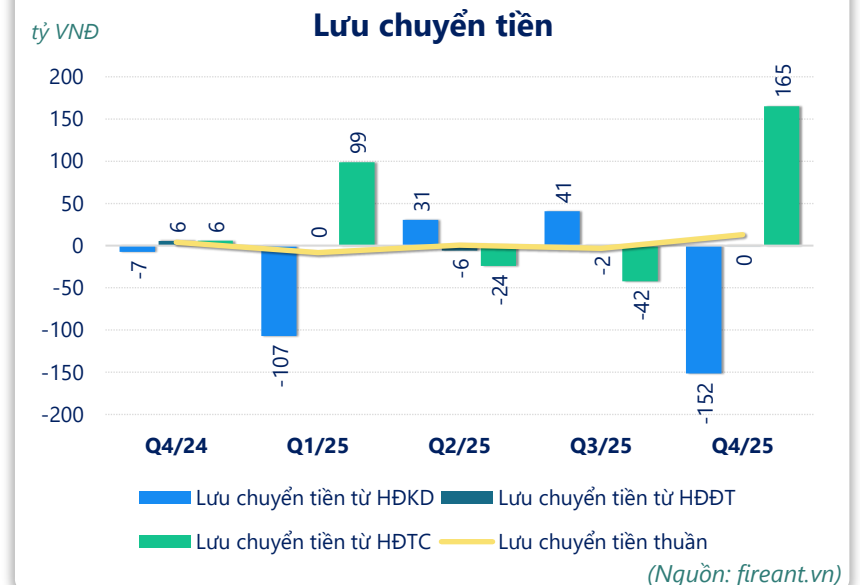
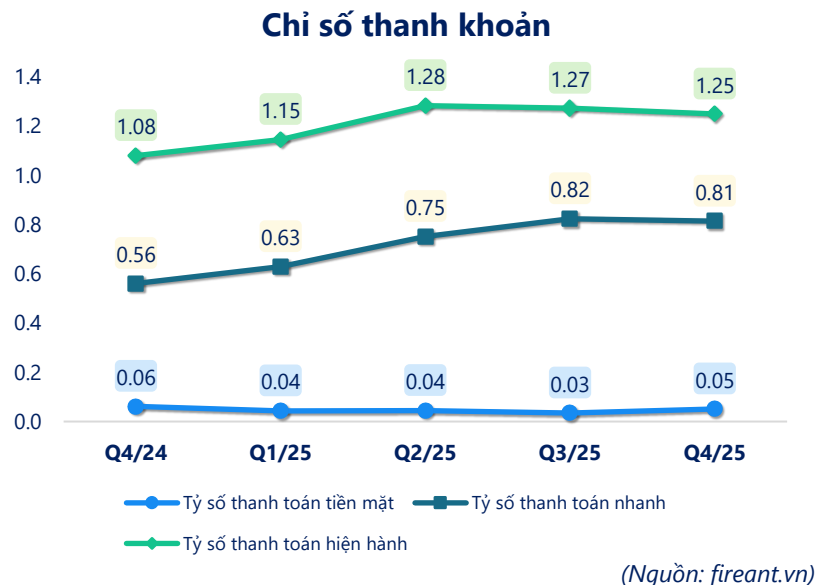
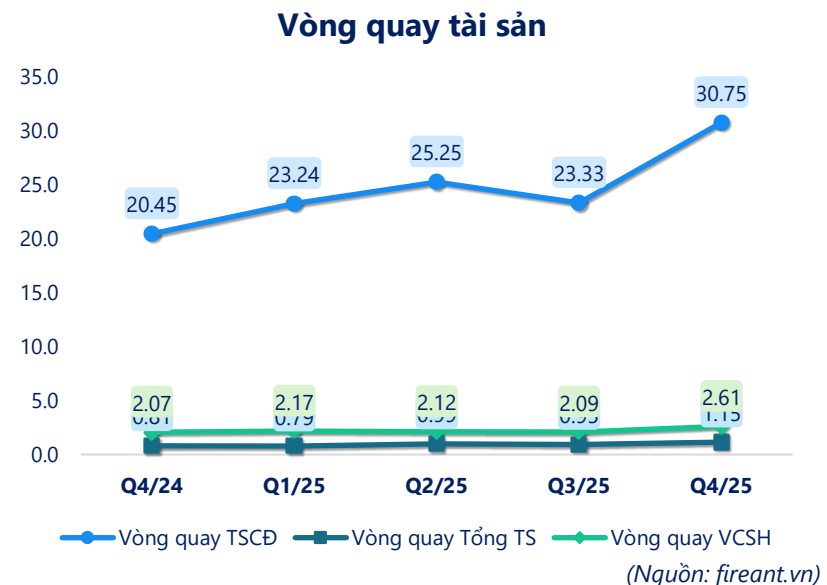
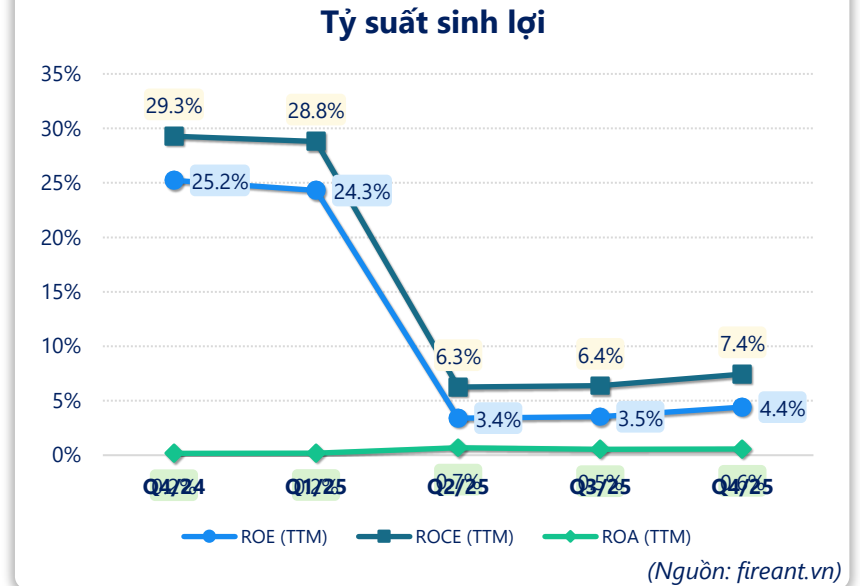
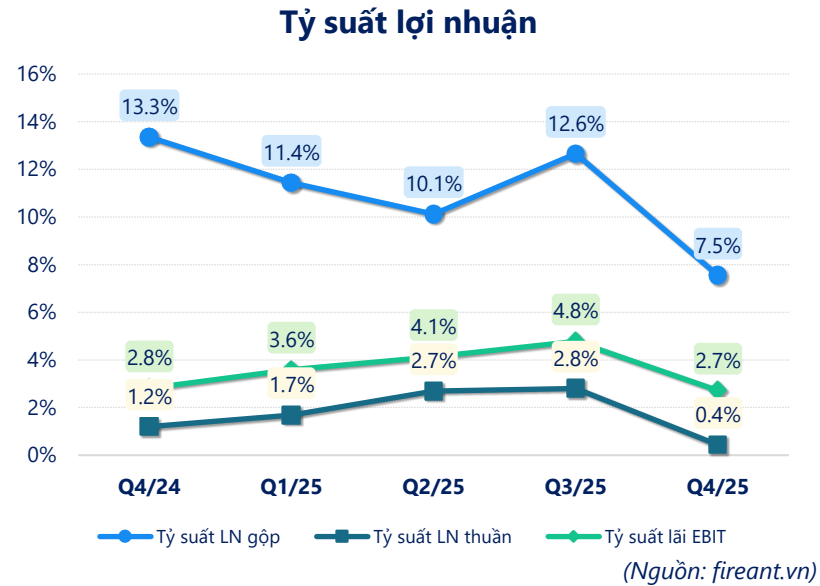
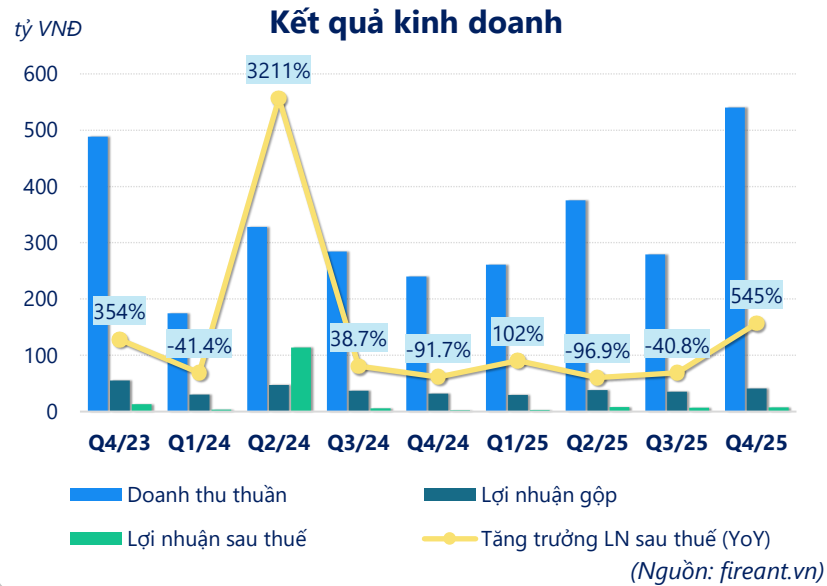
	YTD	1T	3T	6T
SRC	104.4%	3.4%	2.4%	98.8%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%



CTCP Cao su Sao vàng (HSX: SRC)







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,342	1,209	11.0%
Tài sản ngắn hạn	775	549	41.2%
Tiền và tương đương tiền	31.7	29.7	6.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	466	235	97.9%
Hàng tồn kho	270	250	8.0%
Tài sản ngắn hạn khác	7.62	33.9	-77.5%
Tài sản dài hạn	566	660	-14.2%
Phải thu dài hạn	2.01	97.8	-97.9%
Tài sản cố định	46.4	48.3	-4.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	5.51	2.07	167%
Đầu tư tài chính dài hạn	510	509	0.2%
Tài sản dài hạn khác	2.65	3.12	-15.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	774	634	22.1%
Nợ ngắn hạn	621	482	28.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	471	256	84.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	92.0	148	-37.9%
Nợ dài hạn	153	152	0.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	2.67	2.12	26.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	567	575	-1.3%
Vốn chủ sở hữu	567	575	-1.3%
Vốn điều lệ	281	281	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	240	261	376	279	540
Giá vốn hàng bán	208	231	338	244	499
Lợi nhuận gộp	32.0	29.9	38.0	35.3	40.7
Doanh thu HĐTC	2.05	1.19	0.84	0.43	0.60
Chi phí TC	6.19	6.49	5.86	6.27	7.01
Chi phí lãi vay	4.23	4.96	5.42	4.94	5.23
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	8.71	6.19	9.05	7.27	8.10
Chi phí QLDN	16.3	14.0	13.8	14.4	23.9
LN thuần từ HĐKD	2.90	4.40	10.1	7.81	2.34
Lợi nhuận khác	-0.39	0.03	-0.03	0.59	7.08
LN trước thuế	2.51	4.43	10.1	8.40	9.42
Lợi nhuận sau thuế	2.17	2.69	8.07	6.61	7.25
LNST của CĐ cty mẹ	2.17	2.69	8.07	6.61	7.25

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-7.29	-107	30.5	40.8	-152
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	5.61	0.04	-5.85	-1.70	-0.45
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	5.69	98.9	-24.2	-42.2	165
Tiền đầu kỳ	25.6	29.7	21.5	21.9	18.7
Lưu chuyển tiền thuần	4.01	-8.26	0.48	-3.19	13.0
Ảnh hưởng tỷ giá	0.08	0.00	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	29.7	21.5	21.9	18.7	31.7

(Nguồn: fireant.vn)